

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2023.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thơ.
- Bà Bùi Thị Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 15/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà C, tổ D, khóm E, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Bạch L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà C, tổ D, khóm E, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Huỳnh Bạch L kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/3/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2015 đến nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan hệ vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Khoảng thời gian này, vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Bạch L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thiên B, sinh ngày 16/5/2003 và Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Huỳnh Thiên B, sinh ngày 16/5/2003, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Huỳnh Bạch L trình bày: Ngày 15/5/2023, anh L có đơn gia hạn giải quyết tình trạng hôn nhân giữa anh với chị T, thời gian 03 tháng kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và yêu cầu Tòa án hòa giải theo luật định. Tuy nhiên, anh L không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Huỳnh Bạch L có địa chỉ tại Phường F, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Bạch L nhưng anh L không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Bạch L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh L được xác lập vào năm 2002, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/3/2002 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh L, anh L không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không có quan hệ vợ chồng từ năm 2015 đến nay. Khoảng thời gian này, vợ chồng có tìm cách có tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chị T được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Huỳnh Bạch L có 02 con chung tên Huỳnh Thiên B, sinh ngày 16/5/2003 và Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009, hiện hai con chung đang sống với cha mẹ. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009, anh L không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Huỳnh Thiên N sống chung với mẹ đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt và bé Thiên N cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên giao con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009 cho chị T nuôi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009 cho chị T trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Riêng con chung tên Huỳnh Thiên B, sinh ngày 16/5/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Huỳnh Bạch L.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 27/3/2009, hiện Thiên N đang sống với chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Riêng con chung tên Huỳnh Thiên B, sinh ngày 16/5/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012175 ngày 26/4/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (số 04 ngày 25/3/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh

